

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Bảy
Bà Đinh Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông ATing Tốc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bhnướch Thị Bh (*Tên gọi khác: Bl*), sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn A, xã Z, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Zơ Râm N, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam (có mặt).

Bị đơn: Ông Bhnướch H (*Tên gọi khác: H*), sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn A, xã Z, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bhnướch Thị Bhlam trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bhnướch Thị Bh và ông Bhnướch H đến với nhau trên tinh thần tự nguyện. Năm 1996, ông bà tổ chức cưới hỏi theo phong tục người Cơ Tu trước sự chứng kiến của hai bên gia đình. Ngày 15/12/2002, ông bà đến Ủy ban nhân dân xã Za Hung, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam để đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, không có tiếng nói

chung, thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Ông H ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu, xúc phạm, đánh đập bà Bh. Ông H không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái. Bà Bh luôn sống trong sự lo âu, sợ hãi. Hiện bà Bh ra ngoài ở riêng cùng vợ chồng cháu Bhnướch Thị B (con ruột bà B), vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Tháng 09/2021, bà Bh làm đơn ly hôn và có thông báo cho ông H biết nhưng ông từ chối làm việc với Tòa án. Nay, bà Bh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà Bh xin ly hôn với ông Bhnướch H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Bhnướch A, sinh năm: 1999 và Bhnướch Thị B (Tên gọi khác: Bhnướch H), sinh năm: 2000, các con chung đã trưởng thành nên bà Bh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Bh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bhnướch H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Bh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về con chung, hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và các khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Zơ Râm Nh trình bày:*

Bà Bhnướch Thị Bh và ông Bhnướch H đã tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân hợp pháp vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Za Hung, huyện Đông Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là sự bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông H thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình. Mỗi lần say xỉn ông H thường chửi bới, xúc phạm bà Bh. Bà Bh đã nhiều lần góp ý, nhắc nhở, tha thứ để cho ông H cơ hội sửa chữa nhưng ông vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng mờ nhạt và không còn quan tâm đến nhau. Ông, bà đã sống ly thân hơn hai năm nay. Việc ông H có những hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần, kinh tế làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho nguyên đơn bà Bhnướch Thị Bh được ly hôn với ông Bhnướch H.

Về con chung: Bà Bh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Bh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Bh là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bh theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Bhnướch H không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, ông Bhnướch Hiên hiện đang cư trú tại thôn A, xã Z, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, từ chối làm việc và không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của ông H về việc ly hôn với bà Bh, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bh và ông H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Za Hung, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam ngày 15/12/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bh đối với ông H: Theo bà Bh khai từ đầu năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông H vì ghen tuông vô cớ thường xuyên uống rượu, xúc phạm danh dự của bà không tôn trọng gia đình, không cùng bà phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Bà Bh xác định không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

Ông Bhnướch H không hợp tác với Tòa án nên không có lời khai tại hồ sơ.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương nơi bà Bh và ông H sinh sống, cung cấp thông tin mâu thuẫn vợ chồng. Ông H thường xuyên uống rượu, có hành vi đánh đập vợ con. Nguyên nhân chủ yếu, ông H ghen tuông vì nghi ngờ bà Bh có quan hệ với người đàn ông khác. Bà Bh và ông H đã sống ly thân hơn hai năm nay, mỗi người ở một nơi. Việc bà Bh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông H thường xuyên ghen tuông, xúc phạm, có hành vi bạo lực nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình là có căn cứ. Hơn nữa, tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông H không tôn trọng pháp luật, thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Bh và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Bhnướch Thị Bh và ông Bhnướch H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tại phiên tòa là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Hai con chung Bhnướch A, sinh năm: 1999 và Bhnướch Thị B (Tên gọi khác: Bhnướch H), sinh năm: 2000 đã trưởng thành. Bà Bh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Bh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Bhnướch Thị Bh được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bhnướch Thị Bh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bhnướch Thị Bh được ly hôn với ông Bhnướch H.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bh được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/7/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông;
- Các đương sự;
- UBND xã Za Hung;
- Lưu hồ sơ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Oanh

